



QUYẾT ĐỊNH

Về việc Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp cho sinh viên
trình độ Cao đẳng - Đợt tháng 04/2024

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 168/2006/QĐ-TTg, ngày 17/07/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Hàng không Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 49/QĐ-HĐHV, ngày 08/08/2022 của Chủ tịch Hội đồng Học viện Hàng không Việt Nam về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Hàng không Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/03/2017 về việc quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 1266/QĐ-HVHKVN-ĐT ngày 29/12/2017 của Giám đốc Học viện Hàng không Việt Nam về việc ban hành Quy chế đào tạo theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 829/QĐ-HVHKVN ngày 23/09/2019 của Giám đốc Học viện Hàng không Việt Nam về việc ban hành quy định về công nhận kết quả miễn, chuyển điểm học phần tại Học viện Hàng không Việt Nam;

Căn cứ biên bản xét công nhận tốt nghiệp ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng xét và công nhận tốt nghiệp;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

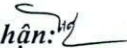
Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cho **43** (Bốn mươi ba) sinh viên trình độ cao đẳng, cụ thể như sau:

- 17 bằng cử nhân thực hành cho sinh viên ngành Dịch vụ thương mại hàng không;
- 05 bằng cử nhân thực hành cho sinh viên ngành Kiểm tra an ninh hàng không;
- 04 bằng kỹ sư thực hành cho sinh viên ngành Công nghệ KT điện tử, truyền thông;
- 06 bằng kỹ sư thực hành cho sinh viên ngành Kiểm soát không lưu;
- 10 bằng kỹ sư thực hành cho sinh viên ngành Kỹ thuật bảo dưỡng cơ khí tàu bay;
- 01 bằng kỹ sư thực hành cho sinh viên ngành Kỹ thuật điện tử tàu bay.



(Kèm theo danh sách 43 sinh viên).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Phòng Đào tạo, các Khoa, đơn vị có liên quan và các sinh viên có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận: 

-Như điều 2;

-Lưu VT,ĐT



TS.Nguyễn Thị Hải Hằng





DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN VÀ CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP

TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG - ĐỢT THÁNG 04/2024

(Đính kèm quyết định số: 464 /QĐ-HVHKVN ngày 23/04/2024)

Số TT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Lớp học	Điểm TN	Xếp loại	Ghi chú
1	1753020075	Nguyễn Minh Quốc	Dũng	29/06/1999	19CĐĐV01	2.23	Trung bình	Công nghệ KT điện tử, truyền thông-CD
2	2013120007	Phan Công	Chương	07/11/2000	20CĐĐV01	2.86	Khá	Công nghệ KT điện tử, truyền thông-CD
3	2013120012	Nguyễn Minh	Hiếu	18/07/2002	20CĐĐV01	2.78	Khá	Công nghệ KT điện tử, truyền thông-CD
4	2013120011	Nguyễn Thị Thanh	Nhân	28/11/2002	20CĐĐV01	3.01	Khá	Công nghệ KT điện tử, truyền thông-CD
5	1911150002	Trần Thị Lan	Anh	17/10/2000	19CĐTM01	2.37	Trung bình	Dịch vụ thương mại hàng không
6	1911150021	Lư Như	Huỳnh	24/12/2001	19CĐTM01	2.13	Trung bình	Dịch vụ thương mại hàng không
7	1911150025	Nguyễn Cẩm	Ly	17/11/2000	19CĐTM01	2.27	Trung bình	Dịch vụ thương mại hàng không
8	1911150001	Phạm Bùi Bảo	Ngọc	25/05/2001	19CĐTM01	2.3	Trung bình	Dịch vụ thương mại hàng không
9	1911150018	Trần Thị Kim	Phương	20/02/2001	19CĐTM01	2.17	Trung bình	Dịch vụ thương mại hàng không
10	1911150015	Trần Thị Kim	Phượng	25/10/2001	19CĐTM01	3.1	Khá	Dịch vụ thương mại hàng không
11	1911150038	Nguyễn Cẩm Phương	Thanh	05/09/2001	19CĐTM01	2.43	Trung bình	Dịch vụ thương mại hàng không
12	1911150020	Vũ Tuyết	Vân	28/01/2001	19CĐTM01	2.62	Khá	Dịch vụ thương mại hàng không
13	1911150012	Huỳnh Thuý	Vy	19/10/2001	19CĐTM01	2.56	Khá	Dịch vụ thương mại hàng không
14	1911150084	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	16/01/2001	19CĐTM02	3.04	Khá	Dịch vụ thương mại hàng không
15	1911150069	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	25/08/2001	19CĐTM02	2.17	Trung bình	Dịch vụ thương mại hàng không
16	2011150020	Tổng Ngọc Bảo	Châu	18/10/2002	20CĐTM01	3.35	Giỏi	Dịch vụ thương mại hàng không
17	2011150108	Võ Thị Kim	Hoa	20/02/2002	20CĐTM03	2.65	Khá	Dịch vụ thương mại hàng không
18	2011150112	Nguyễn Hồng	Khuyến	26/10/2001	20CĐTM03	2.13	Trung bình	Dịch vụ thương mại hàng không
19	2011150138	Cao Thị Trà	My	17/05/2002	20CĐTM03	2.52	Khá	Dịch vụ thương mại hàng không
20	2111150007	Lại Trần Thục	Nhi	11/01/2002	21CĐTM01	2.63	Khá	Dịch vụ thương mại hàng không
21	2111150121	Nguyễn Thị Thu	Hàng	18/10/2000	21CĐTM03	2.68	Khá	Dịch vụ thương mại hàng không
22	2011210014	Bé Ngọc Gia	Hưng	03/11/2002	20CĐKL01	2.67	Khá	Kiểm soát không lưu
23	2111210014	Hàn Ngọc Nam	Khánh	02/09/2003	21CĐKL01	3.03	Khá	Kiểm soát không lưu
24	2111210027	Bùi Hoàng	Long	20/09/2003	21CĐKL01	3.14	Khá	Kiểm soát không lưu
25	2111210017	Nguyễn Trần Thảo	Nguyễn	22/03/2003	21CĐKL01	3.8	Xuất sắc	Kiểm soát không lưu

Số TT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Lớp học	Điểm TN	Xếp loại	Ghi chú
26	2111210015	Nguyễn Phương	Quỳnh	30/12/2003	21CĐKL01	3.17	Khá	Kiểm soát không lưu
27	2111210005	Nguyễn Minh	Thu	23/10/2003	21CĐKL01	3.26	Giỏi	Kiểm soát không lưu
28	1911010036	Hoàng Nữ Diễm	Ngọc	06/08/2001	19CĐAN01	2.27	Trung bình	Kiểm tra an ninh hàng không
29	2011010019	Trần Đình Trang	Châu	01/04/2002	20CĐAN01	2.93	Khá	Kiểm tra an ninh hàng không
30	2011010042	Nguyễn Tiến	Dũng	07/06/2002	20CĐAN01	2.25	Trung bình	Kiểm tra an ninh hàng không
31	2011010014	Phạm Thị	Hân	22/12/2001	20CĐAN01	2.53	Khá	Kiểm tra an ninh hàng không
32	2011010012	Nguyễn Minh	Thuận	28/01/2002	20CĐAN01	2.39	Trung bình	Kiểm tra an ninh hàng không
33	2010000031	Lê Đình	Huân	16/09/2002	20CĐCK01	2.51	Khá	Kỹ thuật bảo dưỡng cơ khí tàu bay
34	1910000047	Nguyễn Quốc	Dũng	22/07/1999	19CĐCK01	2.27	Trung bình	Kỹ thuật bảo dưỡng cơ khí tàu bay
35	2010000014	Trần Khang	Hy	02/05/2001	20CĐCK01	2.5	Khá	Kỹ thuật bảo dưỡng cơ khí tàu bay
36	2010000032	Hoàng Cao	Quý	21/10/2001	20CĐCK01	2.54	Khá	Kỹ thuật bảo dưỡng cơ khí tàu bay
37	2010000005	Lê Ngọc	Quý	03/01/2002	20CĐCK01	2.29	Trung bình	Kỹ thuật bảo dưỡng cơ khí tàu bay
38	2010000045	Hoàng Long	Thành	02/04/1999	20CĐCK01	2.36	Trung bình	Kỹ thuật bảo dưỡng cơ khí tàu bay
39	2010000012	Lê Minh	Trí	25/11/2002	20CĐCK01	2.69	Khá	Kỹ thuật bảo dưỡng cơ khí tàu bay
40	2012090010	Bùi Thị Thanh	Trúc	01/04/2002	20CĐCK01	2.6	Khá	Kỹ thuật bảo dưỡng cơ khí tàu bay
41	2112090002	Nguyễn Hoàng	Chương	23/11/2003	21CĐCK01	3.06	Khá	Kỹ thuật bảo dưỡng cơ khí tàu bay
42	2110000004	Nguyễn Phát	Tài	21/11/2003	21CĐCK01	3.14	Khá	Kỹ thuật bảo dưỡng cơ khí tàu bay
43	1912090008	Ngô Ngọc Trường	Giang	17/07/2001	19CĐĐT01	2.55	Khá	Kỹ thuật điện tử tàu bay

Tổng cộng danh sách này có 43 sinh viên được công nhận tốt nghiệp.